

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2022/DS-PT
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp
hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Quán

Ông Lê Minh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 313/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trương Vĩnh H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 870/2 Tổ 7, Khu phố Y, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho ông H: Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 19/8A đường L, Phường Y, thành phố M, tỉnh Tiền Giang – Văn bản ủy quyền ngày 07-5-2021.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979;

Hộ khẩu thường trú: 62/12 đường L, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký tạm trú: 27 tỉnh lộ 8, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1999;

Địa chỉ: 62/12 L, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh – văn bản ủy quyền ngày 21-3-2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1946;

Địa chỉ: 27 tỉnh lộ 8, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1999;

Địa chỉ: 62/12 L, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh – văn bản ủy quyền ngày 31-3-2022.

2. Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1999;

Địa chỉ: 62/12 L, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Bà Huỳnh Minh H2, sinh năm 2002;

Địa chỉ: 62/12 L, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1999;

Địa chỉ: 62/12 L, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh – văn bản ủy quyền ngày 19-3-2022.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T - Bị đơn; bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2- người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Bà H1 và ông T1 có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19-7-2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 03-8-2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Vĩnh H do bà Nguyễn Thị Mỹ H1 đại diện trình bày:

Từ ngày 16-2-2011 đến ngày 22-6-2013, ông Trương Vĩnh H có bán thức ăn chăn nuôi heo nhãn hiệu Cargill cho bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Nam S. Ông H trực tiếp giao dịch bằng điện thoại với bà T, có lúc chồng bà T là ông Huỳnh Nam S (đã chết). Khi giao hàng có khi bà T và ông S nhận hàng và ký xác nhận công nợ. Việc mua bán được ông H lập sổ theo dõi. Ông H bán cho bà T ông S 03 sản phẩm thức ăn hiệu Cargill có ký hiệu như sau: mã số 8002: sản phẩm cám cho heo con (heo < 15 kg); mã số 1442: sản phẩm cám cho heo mang thai và mã số 1422: sản phẩm cám cho heo thịt.

Trong quá trình mua bán mỗi lần giao hàng cho ông S bà T, ông H ghi rõ 04 cột gồm: ngày giao hàng, loại cám, số lượng bao, giá mỗi bao. Sau đó, cộng lại tổng giá trị của mỗi đợt giao hàng. Khi giao hàng bà T ông S trả bớt thì ông H ghi dòng tiếp theo. Đồng thời bà T và ông S ký tên. Tính đến ngày 14-01-2013, ông S và bà T còn thiếu ông H số tiền 1.195.130.800 đồng. Giữa ông H và ông S thỏa thuận tách 1.000.000.000 đồng ra tính lãi 1%/tháng, tính lãi từ ngày 20-02-2012 đến ngày 20-02-2013 là 122.000.000 đồng, ông H cho ông S nợ 1 năm. Số tiền còn lại 195.130.800 đồng không tính lãi và tiếp tục cộng dồn với đơn hàng mới. Do đó cộng dồn đến ngày 22-6-2013, bà T ông S còn thiếu cả tiền cũ và tiền hàng mới là 273.989.500 đồng. Trong ngày 22-6-2013, do bà T không tiếp tục mua cám của ông H do chăn nuôi không hiệu quả nên ông H và bà T đối chiếu công nợ, xác nhận số công nợ là 273.989.500 đồng. Do đó cộng với số nợ cũ là 1.122.000.000 đồng nên tổng số nợ là 1.395.989.500 đồng. Ông S bà T và ông H thỏa thuận trả dần nhưng trong 3 tháng phải trả dứt khoản nợ. Sau đó ông S bà T chỉ trả dần hàng tháng từ ngày 19-10-2013 đến ngày 16-02-2019 tổng số tiền là 367.000.000 đồng. Từ tháng 3-2019 ông S chết nên không tiếp tục trả nữa. Ông H đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thỏa thuận nhưng bà T không thực hiện. Nhận thấy việc không thanh toán nợ của bà T đã trực tiếp xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông H. Do đó, ông H khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tuyên buộc bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 liên đới trả cho ông Trương Vĩnh H số tiền còn nợ là 1.028.989.500 đồng, không yêu cầu tính lãi. Thời gian trả 01 lần khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T do ông Huỳnh Minh T1 đại diện trình bày:

Bà T không thực hiện giao dịch mua bán thức ăn với ông H như người đại diện của ông H trình bày, trước đây ông H có đến nhà giao thức ăn gia súc nhưng ông T1 không biết cha ông là ông Huỳnh Nam S có mua thức ăn của ông H hay không vì khi đó ông còn nhỏ và không thấy có hợp đồng mua bán. Đại diện nguyên đơn cho rằng bà T, ông S có ký tên vào sổ tay mua bán thức ăn để cho rằng bà T mua thức ăn của ông H là không đúng bởi vì bà T chỉ ký tên nhận hàng giùm thôi không thể coi là sổ công nợ giữa hai bên. Ông T1 không có ý kiến gì đối với 02 Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An. Ông T1 không yêu cầu giám định lại chữ viết và chữ ký của bà T trong sổ tay phía nguyên đơn cung cấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Minh T1 trình bày: Thời điểm mua bán nguyên đơn trình bày ông T1 còn nhỏ không biết sự việc như thế nào. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Thị B, bà Huỳnh Minh H2 do ông Huỳnh Minh T1 đại diện trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà T và không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các điều 35, 39, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 124, Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 119, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Vĩnh H đối với bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 phải liên đới trả cho ông Trương Vĩnh H số tiền mua bán là 996.989.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Minh H2 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi thụ hưởng di sản do ông Huỳnh Nam S để lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Trương Vĩnh H do bà Nguyễn Thị Mỹ H1 đại diện trình bày:

Ông T1 cũng thừa nhận ông S và bà T có mua thức ăn gia súc của ông H. Sổ ghi rất rõ về thời gian giao hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền từng lần giao, có bà T ký nhận. Ông H có yêu cầu Tòa án thu thập mẫu chữ ký của ông S nhưng chưa thu thập được. Tuy nhiên, bà T là người ký sổ nhiều nhất và sau cùng là đã thừa nhận các khoản nợ trước đó nên không cần cung cấp chữ ký của ông S. Việc ông S, bà T còn thiếu nợ nhưng ông H tiếp tục giao hàng là do thỏa thuận của các bên. Kết luận giám định chữ ký trong sổ mua thức ăn gia súc là của bà T. Tuy sổ có chỗ tẩy xóa nhưng số liệu tính toán trùng khớp từ trước đến sau cùng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T do ông Huỳnh Minh T1 đại diện trình bày:

Ông S và bà T không có nợ tiền ông H. Tại phiên tòa sơ thẩm ông có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Ông Huỳnh Tấn Q và ông M là ai ông không biết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Trong sổ nợ, ngày 22-6-2013 bà T ký phía trên, không ký đối với số tiền 1.395.989.500 đồng, nhiều chỗ tẩy xóa, ghi nhiều màu mực khác nhau, tự ý đưa người làm chứng ký vào sổ, không chứng minh được chữ ký của ông S, giám định mẫu chữ ký năm 2013 so với chữ ký năm 2019 là không khác quan, sổ không thể hiện loại tiền gì, chứng cứ trong hồ sơ không có giá trị pháp luật. Không đưa bà T2, ông Q tham gia tố tụng, người làm chứng ông M chỉ ký trang cuối. Thời hiệu khởi kiện đã hết, đang nợ một tỷ chưa trả lại giao tiếp hàng hóa. Về thẩm quyền, đương sự ở Củ Chi, hợp đồng ở Củ Chi và Công an xác minh bà T không có ở Mỹ An, Thủ Thừa nhưng Tòa án huyện Thủ Thừa giải quyết là vi phạm thủ tục tố tụng. Bản án sơ thẩm buộc liên đới trả nợ là không đúng. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T, bà B, ông T1 và bà H2, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn rút yêu cầu đối với phần tiền lãi nên đình chỉ xét xử phúc thẩm phần này. Thời điểm khởi kiện, bà T trú tại Ấp 4, xã Mỹ An huyện Thủ Thừa. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bà T đều nhận được nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Theo kết luận giám định xác định chữ ký và chữ viết trong sổ nợ là của bà T. Bà T và ông S là vợ chồng. Mỗi lần giao hàng đều có ký nhận và cộng dồn ông S ký nhận đến một tỷ đồng và tiếp tục cộng dồn có xác nhận của bà T với số tiền 1.395.989.500 đồng và có thỏa thuận trả dần được 367.000.000 đồng do ông H tự ghi. Bà T không cung cấp được chứng cứ đã trả hết nợ. Phần cuối sổ có hàng chữ bị xóa, đề nghị Hội đồng xét xử xác minh làm rõ mới giải quyết được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 được làm đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: tại thời điểm ông H khởi kiện thì bà T đang sinh sống tại ấp 4, xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa, có xác nhận của Công an xã Mỹ An ngày 16-7-2019 (bút lục 11); tại “Đơn xin xem xét” của bà Nguyễn Thị T ngày 26-6-2020, bà T trình bày: “Trong thời gian tôi đang ở Thủ Thừa thì ông Trương Vĩnh H đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa” (bút lục 137) nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý vụ án ngày 13-8-2019.

[3] Sau đó bà T thay đổi địa chỉ và cung cấp nơi tạm trú tại 27 tỉnh lộ 8 ấp Tam Tân, xã Tân Hội An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa ban hành Quyết định chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết. Ngày 07-5-2020, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi ra Quyết định chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T tại ấp 4, xã Mỹ An thì bà T vẫn nhận được văn bản và tham gia giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a, khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa là đúng.

[4] Về nội dung vụ án: tại trang cuối quyển sổ ghi ngày 22-6-2013 có hàng chữ bị xóa bằng bút xóa màu trắng nhưng vẫn còn đọc được, có nội dung như sau: “Tiền đất 1.850.000.000 còn thừa của S 454.010.500” (bút lục số 153). Ông H do bà H1 đại diện trình bày lý do xóa hàng chữ này là do bên ông S, bà T thỏa thuận với ông H giao cho ông H một phần quyền sử dụng đất để cấn trừ khoản nợ nhưng sau đó phần đất này không phải của bà T và ông S nên không thực hiện được mới xóa và bà T do ông T1 đại diện trình bày, ông S và bà T không có chuyển nhượng phần đất nào cho ông H. Do không thực hiện được thỏa thuận này nên sau đó bà T và ông S có tiếp tục trả dần từ 19-10-2013 đến 16-02-2019 (bút lục số 152, 153). Do đó, không cần phải ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ dòng chữ bị tẩy xóa theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Xét thấy, bà T thừa nhận, từ năm 2011 đến năm 2013 ông Trương Vĩnh H và ông Huỳnh Nam S có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi heo (bút lục 27). Quá trình mua bán ông H có lập sổ giao nhận hàng hóa. Mỗi lần giao nhận hàng ông H ghi rõ loại hàng (ký hiệu hàng hóa), số lượng tính bằng bao, giá bán mỗi bao, tổng cộng thành tiền. Khi giao hàng nếu ông S bà T trả trước hoặc trả hàng thì ông H đều ghi nhận và trừ trực tiếp vào sổ sau đó ông S hoặc bà T ký tên.

[6] Bà T cho rằng việc mua bán là do ông S thỏa thuận với ông H. Sau khi kết thúc việc mua bán ông S đã thanh toán đủ tiền cho ông H. Bà T chỉ là người ký nhận số bao mỗi lần giao. Đối với chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị T” trong sổ giao nhận hàng ông H cung cấp do quá lâu nên bà không nhớ phải chữ ký chữ viết của bà không.

[7] Tại kết luận giám định số 420/2021/KLGD ngày 14-5-2021 và Kết luận giám định số 127/2022/KL-KTKS ngày 25-02-2022 của Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Long An xác định toàn bộ chữ ký chữ viết “Nguyễn Thị T” trong quyển sổ giao nhận hàng hóa đều do bà Nguyễn Thị T ký và viết ra. Việc giám định được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[8] Dù việc mua bán xảy ra trong khoảng thời gian dài tuy nhiên ông H có lập sổ giao nhận hàng theo dõi và ghi từng ngày cụ thể liên tục, không bỏ nhảy trang, đồng thời bà T ký tên đầy đủ mỗi lần giao nhận hàng. Do đó đủ cơ sở để khẳng định sổ giao nhận hàng hóa có giá trị pháp lý, dùng làm căn cứ giải quyết vụ án.

[9] Việc mua bán được chia thành 02 giai đoạn cụ thể giai đoạn 1 từ ngày 16-2-2011 đến ngày 14-01-2013 và giai đoạn 2 từ ngày 22-01-2013 đến ngày 22-6-2013 là kết thúc việc mua bán.

[10] Giai đoạn 1: Căn cứ vào sổ giao nhận hàng hóa thể hiện đến ngày 14-01-2013 bà T ký nhận nợ 1.188.188.300 đồng và 16.942.500 đồng (bút lục số 158) gồm $\{(426.000đ \times 5 \text{ bao}) + (256.500đ \times 15 \text{ bao}) + (270.500đ \times 30 \text{ bao}) + (285.000đ \times 10 \text{ bao})\}$, tổng cộng là 1.205.130.800 đồng. Ông H trừ 10.000.000 đồng bà T trả nên còn lại số tiền 1.195.130.800 đồng. Giữa ông S và ông H tổng kết thỏa thuận số tiền 1.000.000.000 đồng, hạn thanh toán 01 năm và tính lãi suất 1%/tháng từ ngày 20-02-2012 đến ngày 20-02-2013 là 122.000.000 đồng. Số tiền 195.130.800 đồng không tính lãi và tiếp tục cộng dồn vào đợt mua hàng tiếp theo, có ông S ký xác nhận (bút lục số 157).

[11] Giai đoạn 2: Từ ngày 22-01-2013, ông H tiếp tục bán hàng cho ông S bà T và cộng dồn số nợ cũ là 195.130.800 đồng. Tính đến ngày 10-5-2013, bà T ký nhận số tiền 244.748.000 đồng bao gồm 230.475.500 đồng và 14.272.500 đồng gồm $\{(271.000đ \times 10 \text{ bao}) + (285.000đ \times 15 \text{ bao}) + (295.500đ \times 25 \text{ bao})\} - 100.000 \text{ đồng}$. Ngày 15-5-2013, bà T trả 15.000.000 đồng còn lại 229.748.000 đồng. Ngày 16-5-2013, bà T tiếp tục ký nhận 13.947.500 đồng gồm $\{(295.500đ \times 25 \text{ bao}) + (256.500đ \times 10 \text{ bao}) + (270.500đ \times 15 \text{ bao})\} - 62.500 \text{ đồng}$. Ngày 31-5-2013, ông H giao $\{(295.500đ \times 30 \text{ bao}) + (256.500đ \times 10 \text{ bao}) + (270.500đ \times 15 \text{ bao})\}$ thành tiền 15.487.500 đồng, trừ 75.000 đồng còn lại 15.412.500 đồng, có ông S ký xác nhận. Ngày 22-6-2013, ông H giao $\{(295.500đ \times 3 \text{ bao}) + (295.500đ \times 30 \text{ bao}) + (256.500đ \times 20 \text{ bao})\}$ thành tiền 14.881.500 đồng. Tổng cộng từ ngày 22-01-2013 đến ngày 22-6-2013 bà T ông S còn mua thêm số tiền 273.989.500 đồng (bút lục số 153), số tiền này có bà T ký chốt nợ (bao gồm 195.130.800 đồng nợ giai đoạn 1). Như vậy tổng cộng số tiền hai bên mua bán qua hai giai đoạn là 1.273.989.500 đồng.

[12] Về số tiền lãi 122.000.000 đồng: đây là việc thỏa thuận giữa ông H và ông S được ghi nhận trong sổ giao nhận hàng hóa. Bà T ký nhận các trang sau mà không phản đối coi như chấp nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện cho nguyên đơn đồng ý điều chỉnh chỉ yêu cầu tính lãi suất 0.75%/01tháng từ ngày 20-02-2012 tới ngày 20-02-2013 là có lợi cho bên bà T nên chấp nhận. Lãi được

điều chỉnh lại là 90.000.000 đồng (1.000.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 12 tháng). Do đó, tổng cộng số tiền nợ ông S bà T mua thức ăn của ông H qua 02 giai đoạn và tiền lãi là 1.363.989.500 đồng.

[13] Bà T cho rằng việc mua bán và thanh toán là giữa ông S và ông H bà chỉ ký nhận hàng hóa. Tuy nhiên trong cuốn sổ giao nhận đều thể hiện nội dung số lượng hàng hóa hai bên giao nhận, tính thành tiền đồng thời còn thể hiện có việc trả trước số tiền và trả lại hàng do đó lời trình bày của bà T là không có cơ sở. Hơn nữa các lần chốt nợ sau cùng của giai đoạn 1 với số tiền 1.195.130.800 đồng, giai đoạn 2 với số tiền 273.989.500 đồng và số tiền 195.130.800 đồng không tính lãi và tiếp tục cộng dồn vào đợt mua hàng tiếp theo đều có bà T ký tên chốt nợ. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thừa nhận ông S, bà T đã trả dần số tiền 367.000.000 đồng nên số tiền mua hàng còn thiếu lại là 996.989.500 đồng.

[14] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H không cung cấp được mẫu chữ ký và chữ viết của ông Huỳnh Nam S để giám định nhưng bà T thừa nhận từ năm 2011 đến năm 2013 ông S có việc nuôi heo và mua thức ăn của ông H đồng thời thừa nhận có ký nhận mỗi lần giao hàng. Sổ giao nhận hàng ông H cung cấp chỉ ghi nhận việc ông S và bà T mua hàng ngoài ra không ghi cá nhân nào khác. Sổ giao nhận được ghi từng trang cụ thể liên tiếp không bỏ hay nhảy trang. Dù không giám định được chữ ký của ông S nhưng sổ giao nhận có đủ chữ ký của bà T. Bà T là người ký chốt nợ cuối cùng của hai giai đoạn mua bán hàng hóa.

[15] Sổ giao nhận hàng còn thể hiện việc ông S trả dần hàng tháng đến 16-02-2019 thì ngưng do ông S chết (bút lục số 152). Lời trình bày của ông H là phù hợp với tình tiết ông S chết vào tháng 3-2019. Bà T cho rằng ông S đã thanh toán cho ông H không liên quan đến bà. Tuy nhiên việc mua bán xảy ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông S đang tồn tại. Việc chăn nuôi là nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Bà T trình bày nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Ông S chết để lại nghĩa vụ về tài sản. Do đó ông H khởi kiện yêu cầu bà T và những người thừa kế của ông S phải có trách nhiệm trả tiền mua bán là có cơ sở.

[16] Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 996.989.500 đồng là chỉ có căn cứ một phần. Bởi lẽ, trong khoản tiền 996.989.500 đồng trong đó có số tiền 200.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 01-01-2010 đến ngày 31-12-2010 với số tiền lãi 52.801.700 đồng (với mức lãi suất cao 2,2%/tháng) và số tiền lãi được nhập gốc 200.000.000 đồng để tính lãi đến ngày 31-12-2011 với mức lãi suất 15%/năm, thành tiền là 37.920.300 đồng (bút lục số 169) và các khoản tiền này được cộng dồn lên đến 01 tỷ đồng (bút lục số 168) lại tiếp tục tính lãi là đã tính lãi chồng lãi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H là không đúng quy định của pháp luật.

[17] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H do bà H1 đại diện đồng ý không tính hai khoản lãi 52.801.700 đồng và 37.920.300 đồng vào số nợ của bà T và ông S

là phù hợp với quy định của pháp luật, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, xác định ông S và bà T còn nợ ông H 906.267.500 đồng [996.989.500 đồng – (52.801.700 đồng + 37.920.300 đồng)]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H. Buộc bà T và những người thừa kế của ông S gồm bà B, ông T1 và bà H2 phải có trách nhiệm trả tiền mua bán thức ăn gia súc còn thiếu cho ông H là 906.267.500 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H đối với số tiền lãi 90.722.000 đồng (52.801.700 đồng + 37.920.300 đồng). Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 là có căn cứ chấp nhận một phần.

[18] Ngoài ra, Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 phải liên đới trả cho ông Trương Vĩnh H; bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Minh H2 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi thụ hưởng di sản do ông Huỳnh Nam S để lại là chưa chính xác cần điều chỉnh lại như sau: Buộc bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 có trách nhiệm trả cho ông Trương Vĩnh H số tiền mua thức ăn gia súc là 906.267.500 đồng. Bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Minh H2 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Huỳnh Nam S để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[19] Trong sổ có ghi tên ông Quỳnh Tấn Q, bà T2 và ông Đào Văn M. Bà H1 trình bày, ông Q là người làm công, chị T2 là vợ ông H và ông M là người làm chứng. Xét thấy, như đã nhận định ở trên, nợ được ghi sổ và cộng dồn, bà T là người ký chốt nợ sau cùng là đã đồng ý các khoản nợ trước đó bao gồm cả số lượng, đơn giá và thành tiền mỗi lần giao nhận hàng; bà T cũng thừa nhận ông S chồng của bà có giao dịch mua thức ăn gia súc của ông H khi còn sống nên việc đưa ông Q, bà T2 và ông M tham gia tố tụng là không cần thiết.

[20] Về thời hiệu khởi kiện: khi giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm, các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 mới yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không xem xét là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[21] Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần đối với việc cho rằng bản án tuyên liên đới là không đúng, còn các nội dung khác là không có cơ sở chấp nhận.

[22] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 phải chịu 39.188.000 đồng.

Ông Trương Vĩnh H thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[23] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà T, bà B, ông T1 và bà H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các điều 35, 39, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 124, Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 119, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Vĩnh H đối với bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 có trách nhiệm trả cho ông Trương Vĩnh H số tiền mua thức ăn gia súc là 906.267.500 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Vĩnh H đối với số tiền lãi 90.722.000 đồng.

Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho ông Trương Vĩnh H số tiền 12.400.000 đồng.

Kể từ ngày ông Trương Vĩnh H có đơn yêu cầu thi hành án, thì bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 phải chịu 39.188.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Vĩnh H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả 21.435.000 đồng số tiền tạm ứng án phí cho ông Trương Vĩnh H theo biên lai thu số 0004639 ngày 07-8-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

Bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Minh H2 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Huỳnh Nam S để lại.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả số tiền 1.200.000 đồng theo các biên lai thu số 0002522, 0002523, 0002524 và biên lai thu số 0002525 cùng ngày 27-6-2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Minh H2.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

